

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĐ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 12/2024/HS-ST
Ngày 30-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĐ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Th2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Xuân V1.
- Bà Nguyễn Nhân Khánh Phú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhân Tài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế Th1 gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thận - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 515/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Hồ Thị O (tên gọi khác: Không); sinh ngày 03 tháng 01 năm 1994, tại: tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi thường trú: Xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Cơ Tu; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 046194001xxx, cấp ngày: 22/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; con ông: Hồ TH Th (đã chết) và bà Hồ Thị K, sinh năm 1953; có chồng là Phạm Văn Th1, sinh năm: 1993 và 02 người con (con lớn nhất sinh năm 2012 và con nhỏ nhất sinh năm 2018);

Quá trình nhân thân: Nhỏ sống với cha, mẹ tại xã HS, huyện NĐ, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Học văn hóa đến lớp 11/12, sau đó lấy chồng và làm nông tại Xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến ngày phạm tội.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/7/2024 cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1989; nghề nghiệp: Thợ sửa xe và chị Đỗ Thị N, sinh năm: 1992; nghề nghiệp: Làm nông; Điều trú tại: Xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế (anh L, chị N có mặt).

- Người làm chứng:

+ Anh Võ Phi Th2, sinh năm: 1995 và chị Nguyễn Thị Th H, sinh năm: 1991; Điều trú tại: xã PX, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế (anh Th2, chị H có mặt).

+ Ông Nguyễn Văn P (tên gọi khác: Nhỏ), sinh năm: 1972; nơi thường trú: Thôn An Thận, xã H Toàn, thị xã H Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

+ Bà Hồ Thị Th3, sinh năm: 1964; bà Lê Thị Th4, sinh năm: 1978; ông Đoàn V1, sinh năm: 1978; ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1969; Điều trú tại: Xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Kim v2, sinh năm: 1972; nơi thường trú: Xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ, ngày 30/4/2024, Hồ Thị O, sinh năm: 1994 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave (không có biển kiểm soát, xe của O) đi từ nhà của mình đến Xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế thì xe máy bị hư không chạy được nên O xuống xe đẩy bộ. Lúc này, O phát hiện một đàn bò 04 con, gồm một con bò đực, một con bò mẹ và hai con bò con ở bên trái đường (là tài sản của gia đình anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1989, ở Xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế), thì nảy sinh ý định trộm cắp bò bán lấy tiền tiêu xài. Do lúc này trời còn sáng nên O chưa thực hiện hành vi trộm cắp mà dắt xe máy đến nhà ông Đoàn Hùng (sinh năm: 1957) ở thôn Phú Hòa, xã H Phú để gửi xe (lúc này nhà ông Hùng không có người). Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, O đi bộ đến chỗ đàn bò, lén lút mở dây cột con bò mẹ có trọng L 250kg và lừa con bò đi về hướng Công ty viên nén Renen ở Xã HP, huyện NĐ rồi cột con bò vào một cây keo gần bãi gỗ của Công ty viên nén Renen nhằm mục đích cất giấu để tìm được người mua bò sẽ bán. Sau đó, O đi đến nhà ông Đoàn Hùng để lấy xe mô tô nhưng xe không nổ máy được nên để xe lại và đi bộ về nhà. Trên đường đi, O dùng điện thoại di động gọi cho anh Võ Phi Th2, sinh năm: 1995, trú tại: xã PX, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế là người mua bò (do O tìm được số điện thoại trên mạng xã hội Facebook) để hỏi có mua bò không thì anh Th2 hẹn sáng hôm sau sẽ lên mua. Khoảng 22 giờ cùng ngày, O đi đến kiểm tra con bò thì phát hiện con bò đã bị tuột dây và bỏ đi nên đi tìm thì thấy con bò mẹ đã quay lại vị trí đàn bò ban đầu. O lén lút đi đến dắt con bò mẹ đi về khu vực bãi rác thôn Phú Hòa, xã H Phú cột lại ở gốc cây để hôm sau bán rồi đi về nhà.

Khoảng 06 giờ, ngày 01/5/2024, O mượn xe mô tô biển kiểm soát: 75AM-003.43 của chị Nguyễn Thị Kim v2, sinh năm 1972 ở cùng thôn đi đến khu vực bãi rác thôn Phú Hòa, xã H Phú thấy con bò mẹ vẫn còn ở đó nên gọi điện thoại cho anh Võ Phi Th2 hẹn gặp bán bò thì anh Th2 nói 07 giờ sẽ lên mua. Khoảng 07 giờ 15 phút cùng ngày, anh Th2 cùng vợ là chị Trần Thị Th H, sinh năm: 1991, đi xe ô tô tải biển kiểm soát: 75C - 021.27 đến khu vực bãi rác Xã HP, huyện NĐ gặp O và xem bò. Hai bên thỏa Thận mua bán con bò mẹ với số tiền 7.200.000 đồng. Sau đó, vợ chồng anh Th2 dắt con bò lên xe tải chở về thôn An Thận, xã H Toàn, thị xã H

Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế bán cho anh Nguyễn Văn P (sinh năm: 1972) với số tiền 13.200.000 đồng. Anh P đã mổ con bò mẹ và bán thịt được số tiền 14.500.000 đồng. Số tiền bán bò 7.200.000 đồng O sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng 09 giờ, ngày 01/5/2024, anh Nguyễn Văn L đi kiểm tra đàn bò thì phát hiện bị mất con bò mẹ và cùng gia đình đi tìm kiếm nhưng không tìm được nên đến ngày 03/5/2024 đã trình báo cơ quan Công an. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện NĐ, Hồ Thị O đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

** Vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện NĐ Th giữ gồm:*

+ 01 (một) sợi dây thừng màu trắng bị ố màu, dài 07 mét, đã qua sử dụng trong đó có một đầu thắt nút và một đầu dây bị bung ra Th2 sợi;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng đã qua sử dụng, số Imei 1: 863008032346016, số Imei 2: 863008032346008.

+ 02 (hai) Sim điện thoại Viettel số: 0377.302.xxx và 0968.780.xxx.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 01/KL - HDDG, ngày 24/05/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện NĐ kết luận: Một con bò mẹ, dài 02 mét, cao 1,2 mét, nặng 250kg tại thời điểm ngày 30/4/2024 trị giá: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

* Tại bản Kết luận giám định số: 386/KL - KTHS, ngày 21/6/2024 của Phòng Kỹ Thạt hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, giám định khôi phục và trích xuất dữ liệu trên chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng, số K A33fw, số số Imei 1: 863008032346016, số Imei 2: 863008032346008, Th của Hồ Thị O, kết luận:

- Không tìm thấy nội dung tin nhắn trên ứng dụng Messenger trong lịch sử trò chuyện với tài khoản có tên “Thanh Vo”.

- Không tìm thấy nội dung tin nhắn SMS của mẫu vật gửi giám định với số Thê bao 0707912781.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại trong vụ án là vợ chồng anh Nguyễn Văn L, chị Đỗ Thị N yêu cầu bị cáo Hồ Thị O bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Hiện bị cáo Hồ Thị O chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKSND ngày 10/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Hồ Văn O về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố phát biểu quan điểm luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Về hình sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt:

Bị cáo Hồ Thị O từ 07 tháng đến 09 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, công việc và Th nhập không ổn định nên đề nghị không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Đối với yêu cầu của bị hại anh Nguyễn Văn L và chị Đỗ Thị N yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu bồi thường của bị hại là phù hợp và có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự; Điều 2, 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP, ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao buộc bị cáo phải bồi thường số tiền nêu trên.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch Th, sung công quỹ nhà nước đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng đã qua sử dụng, số Imei 1: 863008032346016, số Imei 2: 863008032346008; tịch Th tiêu hủy đối với 01 (một) sợi dây thừng màu trắng bị ố màu, dài 07 mét, đã qua sử dụng trong đó có một đầu thắt nút và một đầu dây bị bung ra Th2 sợi; 02 (hai) Sim điện thoại Viettel số: 0377.302.xxx và 0968.780.xxx.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đồng ý với kết luận định giá tài sản của cơ quan chuyên môn và tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố theo như bản Cáo trạng và quan điểm luận tội. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại và không có ý kiến tranh luận về hành vi, tội danh, hình phạt và các vấn đề khác.

Tại phiên tòa, bị hại anh Nguyễn Văn L và chị Đỗ Thị N cung cấp lời khai như trong giai đoạn điều tra, truy tố; đồng ý với kết luận định giá tài sản của cơ quan chuyên môn, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 15.000.000 đồng.

Nói lời sau cùng tại phiên tòa, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người Th1 gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Đối với một số người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, xét thấy người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra, không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu, khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 30/4/2024 tại Xã HP, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hồ Thị O đã có hành vi lén lút bắt trộm 01 (một) con bò mẹ, dài 02 mét, cao 1,2 mét, nặng 250 kg của vợ chồng anh Nguyễn Văn L và chị Đỗ Thị N trị giá là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu Th2 tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Hồ Thị O là người có đủ nhận thức về hành vi của mình, đã lợi dụng sơ hở trong việc chăn thả bò của người dân trên địa bàn huyện ND để thực hiện hành vi trái pháp luật nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Khi phát hiện con bò đã bị tuột dây và bỏ đi nên bị cáo đi tìm thì thấy con đã quay lại vị trí đàn bò ban đầu. Bị cáo đã lén lút dắt con bò đến cột ở vị trí khác nhằm mục đích thực hiện hành vi trộm cắp đến cùng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa pH. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi, muốn hưởng thụ trên Th2 quả lao động của người khác nên đã lợi dụng sơ hở của bị hại để lén lút chiếm đoạt tài sản nhằm Th lợi bất chính, phục vụ nhu cầu bản thân, gây bức xúc, lo lắng cho nhân dân.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.
- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng nào.
- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo lần đầu phạm tội, Thộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Th2 khẩn khai báo được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có cha ruột là ông Hồ TH Th là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân cH chiến sĩ vẻ vang hạng Ba nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phạm tình tiết tăng nặng; bị cáo có nhân thân tốt. Tuy nhiên, bị cáo chưa thể hiện được thái độ ăn năn hối cải, trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo chưa bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại do hành vi phạm tội của mình gây ra. Vì vậy cần phải áp dụng đối với bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm

tội, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, cho bị cáo có thời gian sửa chữa sai lầm, cải tạo Th2 công dân tốt có ích cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, không có công việc và Th nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Đối với anh Võ Phi Th2 và chị Nguyễn Thị Th H là người mua bò do bị cáo trộm cắp mà có với giá 7.200.000 đồng; sau đó bán lại cho ông Nguyễn Văn P với giá 13.200.000 đồng; bà Nguyễn Thị Kim v2 là người cho bị cáo mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 75AM - 003.43 làm pH tiện đi bán bò. Quá trình điều tra đã làm rõ anh Th2, chị H, ông P và bà v2 không có hứa hẹn gì từ trước với bị cáo về việc tiêu thụ tài sản trộm cắp cũng như không biết bị cáo mượn xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế không đề cập xử lý là có căn cứ.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đối với tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại mà quá trình điều tra Cơ quan Điều tra không Th hỏi lại được, bị hại đã yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị thiệt hại tài sản theo kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự số tiền là 15.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Hồ Thị O tự nguyện đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền nêu trên nên yêu cầu của bị hại được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 (một) sợi dây thừng màu trắng bị ố màu, dài 07 mét, đã qua sử dụng trong đó có một đầu thắt nút và một đầu dây bị bung ra Th2 sợi; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng đã qua sử dụng, số Imei 1: 863008032346016, số Imei 2: 863008032346008; 02 (hai) Sim điện thoại Viettel số: 0377.302.xxx và 0968.780.xxx. Đây là pH tiện bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng, vì vậy cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch Th sung công quỹ nhà nước đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; tịch Th tiêu hủy đối với sợi dây thừng màu trắng, bị ố màu, dài 07 mét đã qua sử dụng và 02 (hai) Sim điện thoại Viettel số: 0377.302.xxx và 0968.780.xxx.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 750.000 đồng (15.000.000 đồng x 5%) theo quy định của pháp luật.

[12] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo phù hợp với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Hồ Thị O phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hồ Thị O 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch Th, sung công quỹ nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu trắng đã qua sử dụng, số Imei 1: 863008032346016, số Imei 2: 863008032346008;

Tịch Th, tiêu hủy: 01 (một) sợi dây thừng màu trắng, bị ô màu, dài 07 mét đã qua sử dụng trong đó có một đầu thắt nút và một đầu dây bị bung ra Th2 sợi; 02 (hai) Sim điện thoại Viettel số: 0377.302.xxx và 0968.780.xxx

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ND và Chi cục Thi hành án dân sự huyện ND)

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hồ Thị O phải bồi thường cho vợ chồng anh Nguyễn Văn L và chị Đỗ Thị N số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa Thận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hồ Thị O phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện NĐ;
- CQĐT Công an huyện NĐ;
- CQ THAHS Công an huyện NĐ;
- Chi cục THADS huyện NĐ;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ****Nguyễn Văn Mạnh**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Xuân V1 Nguyễn Nhân Khánh Phú

Nguyễn Văn Mạnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện NĐ;
- CQĐT Công an huyện NĐ;
- CQ THAHS Công an huyện NĐ;
- Chi cục THADS huyện NĐ;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Mạnh